TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 523/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 12 – 2022V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Phan Phước Tân.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 395/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 780/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 841/2022/QĐST-HNgĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Đặng Văn T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang năm 2019. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T không muốn sống chung nhà với cha mẹ chồng, yêu cầu ông T ra ở riêng hoặc đi làm xa, trong khi ông T là con trai út trong nhà, cha mẹ lớn tuổi, cần người cận kề. Ông T và bà T đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, nhiều lần ông T đến hàn gắn nhưng không thành.

Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Phi T, sinh ngày 15/8/2019, hiện do bà T nuôi dạy. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dạy con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không có mặt theo triệu tập của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến của bà T; bà T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Theo cung cấp của Công an xã P tại Biên bản xác minh ngày 07/11/2022 được biết, bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1996 hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 11, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Biên bản làm việc với người làm chứng ngày 07/11/2022, ông Đặng Văn L – anh ruột ông T, xác định ông T và bà T mâu thuẫn từ việc bà T không muốn sống cùng cha mẹ chồng, cả hai hiện đã ly thân nhau. Theo ông, ông T và bà T không thể hàn gắn do bà T không muốn hàn gắn cùng ông T. Về con chung thì có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Phi T, sinh ngày 15/8/2019, hiện do bà T nuôi dạy.

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bà T được triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T. Đồng thời, bà T cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về việc vắng mặt của đương sự: Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà T, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa ông T, bà T đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, điều này là phù hợp với lời trình bày của ông Đặng Văn L. Xét thấy mâu thuẫn của ông T, bà T không thể hàn gắn. nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Phi T, sinh ngày 15/8/2019, hiện do bà T nuôi dạy. Khi ly hôn, ông T đồng ý để bà T nuôi dạy con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, con chung do bà T nuôi dạy. Do đó, để tránh xáo trộn về mặt tâm lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận để bà T tiếp tục nuôi dạy cháu Đặng Nguyễn Phi Trường.

Về cấp dưỡng: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, cụ thể 745.000 đ/tháng cho đến khi cháu Trường thành niên theo luật định, nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đặng Văn T.

Về hôn nhân: Ông Đặng Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 873/TLKH-BS ngày 05/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi con chung tên Đặng Nguyễn Phi T, sinh ngày 15/8/2019.

Ông Đặng Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007123 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Ông T nộp thêm 300.000 đồng.

Thời hạn kháng cáo của các đương sự là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Hiền án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn(1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Mai Việt Quốc